

PHIẾU PHÂN BỐ DỰ TOÁN

PHÒNG T.C-KH THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Số: (2)..... Năm NS: 2024

Nội dung phân bổ: Phân bổ kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang học tại các trường Mầm non, Trung học cơ sở Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn thị xã học kỳ I năm học 2024-2025 theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Nguồn Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Cấp dự toán	Quyết định/ Thông báo giao dự toán		Mã loại dự toán	Mã TKKT	Mã cấp NS	Mã DVQHNS	Mã chương	Mã ngân sách KT	Mã CTMT, DA và HTCT	Mã KBNN	Mã nguồn NSNN	Số tiền		Số bút toán, số ID, Số giao dịch
			Số	Ngày										Nợ	Có	
I	Chi đầu tư phát triển	Cấp 0														
		Cấp 1														
		Cấp 4 (Dự toán)														
		Cấp 4 (Lệnh chi tiền)														
		Cấp 0	6205/QĐ-UBND	21/10/2024	02	9213	3	2999206	999	070	99999	2817	29		242.875.000	
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	Cấp 1														
		Cấp 4 (Dự toán)	6205/QĐ-UBND	21/10/2024	02	9253	3	1059995	622	070	99999	2817	29		242.875.000	242.875.000
		Cấp 4 (Dự toán tự chủ)														
		Cấp 4 (Dự toán không tự chủ)	583/QĐ-PGDDT	22/10/2024	02	9527	3	1105734	622	071	00000	2817	12		242.875.000	
		Cấp 4 (LCT tự chủ)														
II	Chi thường xuyên	Cấp 4 (LCT không tự chủ)														
		Cấp 0														
		Cấp 1														
		Cấp 4 (Dự toán tự chủ)														
		Cấp 4 (Dự toán không tự chủ)														

Quảng Yên, ngày 25 tháng 10 năm 2024

Quảng Yên, ngày 15 tháng 10 năm 2024

CQ tài chính ghi sổ ngày tháng năm 2024

TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG

PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ QUẢNG YÊN

PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Người lập

Kiểm soát

Kiểm soát

Người nhập

Kiểm soát

Phó Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG
QUẢNG YÊN, T. X. QUẢNG YÊN

PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ QUẢNG YÊN
CỘNG HÒA X. QUẢNG YÊN, T. X. QUẢNG YÊN

PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH THỊ XÃ QUẢNG YÊN
CỘNG HÒA X. QUẢNG YÊN, T. X. QUẢNG YÊN

Trần Thị Hải

Trần Thị Hải

Vũ Thanh Quyền

Trần Thị Truân

Nguyễn Thị Thuý

Vũ Mạnh Cường

Vũ Thị Hà

Nguyễn Thị Diệu Thuý

Số: 583/QĐ-PGDĐT

Quảng Yên, ngày 22 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang học tại các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn thị xã học kỳ I năm học 2024-2025 theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 14686/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024; phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách thị xã năm 2024 và một số biện pháp điều hành ngân sách thị xã năm 2024; Quyết định số 6205/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc phê duyệt dự toán và cấp kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang học tại các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn thị xã học kỳ I năm học 2024-2025 theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang học tại các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn thị xã học kỳ I năm học 2024-2025 theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh, số tiền: 4.619.055.000 đồng (Bốn tỷ, sáu trăm mười chín triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn đồng chẵn).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu.

Điều 2. Giao các trường học được hỗ trợ kinh phí chịu trách nhiệm về đề xuất hỗ trợ kinh phí, thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ và quyết toán kinh phí đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Hiệu trưởng các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH, KBNN;
- Như Điều 3 (T/h);
- Lưu: VT, KT (02)/.



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Thúy

Phụ lục

PHÂN BỐ KINH PHÍ HỖ TRỢ HỌC PHÍ CHO TRẺ EM MẦM NON, HỌC SINH PHỔ THÔNG ĐANG HỌC TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TRUNG HỌC CƠ SỞ, TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 42/2024/NQ-HĐND NGÀY 23/9/2024 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 583/QĐ-PGDĐT ngày 22/10/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG					4.619.055.000
I	Khối mầm non					2.653.425.000
1	Trường Mầm non Cộng Hòa	1105749	622	071	12	194.125.000
2	Trường Mầm non Hà An	1105742	622	071	12	252.750.000
3	Trường Mầm non Hoàng Tân	1105733	622	071	12	53.100.000
4	Trường Mầm non Minh Thành	1105730	622	071	12	225.250.000
5	Trường Mầm non Liên Vị	1105736	622	071	12	73.150.000
6	Trường Mầm non Phong Cốc	1105745	622	071	12	179.375.000
7	Trường Mầm non Phong Hải	1105739	622	071	12	169.625.000
8	Trường Mầm non Tiền An	1105738	622	071	12	68.500.000
9	Trường Mầm non Yên Giang	1105732	622	071	12	137.750.000
10	Trường Mầm non Đông Mai	1105740	622	071	12	221.375.000
11	Trường Mầm non Cẩm La	1105743	622	071	12	56.100.000
12	Trường Mầm non Hiệp Hòa	1105735	622	071	12	114.900.000
13	Trường Mầm non Liên Hòa	1105746	622	071	12	86.800.000
14	Trường Mầm non Nam Hòa	1105741	622	071	12	110.750.000
15	Trường Mầm non Sông Khoai	1105731	622	071	12	134.400.000
16	Trường Mầm non Tân An	1105737	622	071	12	147.125.000
17	Trường Mầm non Tiền Phong	1105748	622	071	12	24.600.000
18	Trường Mầm non Yên Hải	1105747	622	071	12	160.875.000
19	Trường Mầm non Hoa Hồng	1105734	622	071	12	242.875.000
II	Khối Trung học cơ sở					1.742.430.000
1	Trường THCS Đông Mai	1027586	622	073	12	136.800.000
2	Trường THCS Trần Hưng Đạo	1027582	622	073	12	143.520.000
3	Trường THCS Tiền An	1025843	622	073	12	57.840.000
4	Trường THCS Cộng Hòa	1025849	622	073	12	171.360.000
5	Trường THCS Phong Hải	1025838	622	073	12	107.280.000
6	Trường THCS Hà An	1027590	622	073	12	138.420.000
7	Trường THCS Nam Hòa	1027587	622	073	12	96.840.000
8	Trường THCS Lê Quý Đôn	1027583	622	073	12	181.740.000

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ
9	Trường THCS Hiệp Hòa	1027584	622	073	12	97.080.000
10	Trường THCS Sông Khoai	1025841	622	073	12	59.040.000
11	Trường THCS Minh Thành	1027588	622	073	12	230.580.000
12	Trường THCS Liên Hòa	1027589	622	073	12	61.830.000
13	Trường THCS Liên Vị	1025839	622	073	12	78.240.000
14	Trường THCS Tân An	1027591	622	073	12	89.460.000
15	Trường THCS Yên Hải	1025842	622	073	12	92.400.000
III	Khối Tiểu học và Trung học cơ sở					223.200.000
1	Trường TH&THCS Tiên Phong	1027578	622	073	12	18.120.000
2	Trường TH&THCS Cẩm La	1130336	622	073	12	38.040.000
3	Trường TH&THCS Sông Khoai	1130337	622	073	12	28.920.000
4	Trường TH&THCS Hoàng Tân	1131212	622	073	12	28.200.000
5	Trường TH&THCS Phong Cốc	1133723	622	073	12	109.920.000

Số: 476/QĐ-MNHH

Quảng Yên, ngày 30 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công bố công khai phân bổ kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông đang học tại các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn thị xã học kỳ I năm học 2024-2025 theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số: 583/QĐ-PGD&ĐT, ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quảng Yên V/v phân bổ kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông đang học tại các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn thị xã học kỳ I năm học 2024-2025 theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai phân bổ kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông đang học tại các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn thị xã học kỳ I năm học 2024-2025 theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh của trường mầm non Hoa Hồng (Theo biểu mẫu số 02- Ban hành kèm theo Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các bộ phận của trường Mầm non Hoa Hồng và các Phòng, Ban liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (T/h);
- Phòng GD & ĐT, KBNN;
- Lưu :VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Vũ Thanh Quyên

Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Hồng

Chương: 622/071

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 476/QĐ-MNHH ngày 30/10/2024 của Trường mầm non Hoa Hồng)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	2	3
A	Tổng số thu, chi, học phí	0
I	Số thu học phí	0
II	Chi từ nguồn thu học phí được để lại	0
1	Chi hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo (60%)	
2	Dự nguồn tăng lương (40%)	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	242,875
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	242,875
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	242,875